QUAN ĐIỂM CHÍNH SÁCH:
HỖ TRỢ VÀ PHỤC HỒI KINH TẾ VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG MỚI

VEPR
Thành viên
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KONRAD ADENAUER STIFTUNG

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG 3

DANH MỤC BIỂU ĐỒ 3

DANH MỤC CÁC HÌNH 3

DANH MỤC VIẾT TẮT 4

1. NHỮNG DIỄN BIẾN MỚI VÀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2022 1

1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới quý I/2022 1

1.2. Tổng quan kinh tế Thế giới cuối năm 2021 và đầu năm 2022 3

1.3. Triển vọng Kinh tế thế giới 7

2. BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021, ĐẦU NĂM 2022 VÀ TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG NĂM 2022 10

2.1. Bức tranh Kinh tế Việt Nam năm 2021 và đầu năm 2022 10

2.2. Triển vọng Kinh tế Việt Nam năm 2022 20

3. CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI KINH TẾ 23

4. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH 28

TÀI LIỆU THAM KHẢO 30

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tác động của Covid-19 và chi tiêu cho sức khỏe tới tăng trưởng 9
Bảng 1.2. Sản lượng đầu ra của các quốc gia khu vực ASEAN 9
Bảng 2.1. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong Quý I/2022 (tăng mạnh)..... 17
Bảng 2.2. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2022..... 20
Bảng 3.1. Quy mô Chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023 24

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1. Tác động của bối cảnh thế giới tới lạm phát toàn cầu..... 2
Biểu đồ 1.2. Tác động của bối cảnh thế giới tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu..... 2
Biểu đồ 1.3. Dự báo giá hàng hóa thay đổi 3
Biểu đồ 1.4. Lạm phát khu vực châu Âu vào tháng 3 năm 2022 (%) 3
Biểu đồ 1.5. Dự báo giá hàng hóa thay đổi 4
Biểu đồ 1.6. Giá dầu thế giới năm 2021 và đầu năm 2022 4
Biểu đồ 1.7. Tỉ lệ thay đổi trong tăng trưởng thương mại toàn cầu..... 6
Biểu đồ 1.8. Chỉ số thương mại toàn cầu PMI 6
Biểu đồ 1.9. Độ lệch sản lượng so với xu hướng trước đại dịch 7
Biểu đồ 1.10. Tỷ trọng của các nền kinh tế có mức GDP bình quân đầu người thấp hơn năm 2019 7
Biểu đồ 1.11. Đóng góp của nền kinh tế chính vào tăng trưởng toàn cầu 8
Biểu đồ 1.12. Các thành phần đóng góp vào tăng trưởng toàn cầu 8
Biểu đồ 2.1. So sánh xu hướng tăng trưởng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2019-2021 11
Biểu đồ 2.2. So sánh xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các đối tác thương mại lớn... 11
Biểu đồ 2.3. Số ca nhiễm mới và số ca tử vong mới (bình quân động 7 ngày)..... 12
Biểu đồ 2.4. Tăng trưởng GDP Quý I/2022 so với trước đó..... 13
Biểu đồ 2.5. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp và công nghiệp CBCT..... 14
Biểu đồ 2.6. Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng..... 15
Biểu đồ 2.7. Xuất nhập khẩu hàng hóa Quý I các năm..... 15
Biểu đồ 2.8. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư công các quý năm 2019-2020..... 16
Biểu đồ 2.9. Chỉ số giá sản xuất ngành Công nghiệp, CBCT và NLTS 18
Biểu đồ 2.10. Chỉ số nguyên vật liệu cho sản xuất công nghiệp và NTLS 18

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Cơ cấu, thành phần của gói hỗ trợ, kích thích kinh tế gần 350 ngàn tỷ đồng 24

DANH MỤC VIẾT TẮT

Các từ viết tắt	Diễn giải
VEPR	Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
NHTW	Ngân hàng trung ương
FED	Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ
EIU	Cơ quan Tình báo Kinh tế
WTI	Dầu thô West Texas Intermediate
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế
FDI	Foreign Direct Investment
PMI	Chỉ số nhà quản trị mua hàng
ECB	Ngân hàng trung ương châu Âu
BoJ	Ngân hàng Nhật Bản
PBoC	Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc
EMDEs	Thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển
LICs	Các quốc gia thu nhập thấp
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực

Những quy định về công bố thông tin

Chứng nhận của tác giả

Các tác giả sau sẽ chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo này, đồng thời chứng nhận rằng những quan điểm, nhận định, dự báo trong báo cáo này phản ánh ý kiến chủ quan của người viết: Trần Toàn Thắng, Nguyễn Quốc Việt, Đinh Thị Hảo, Đỗ Thị Hồng Thắm, Đỗ Khánh Vân. Tài liệu này được thực hiện và phân phối bởi Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), chỉ nhằm mục đích cung cấp tài liệu tham khảo cho các khách hàng hoặc đối tác đặc biệt của VEPR, không nhằm mục đích thương mại và xuất bản, dù thông qua báo chí hay các phương tiện truyền thông khác. Các khuyến nghị trong báo cáo mang tính gợi ý và không nên coi như lời tư vấn cho bất kỳ cá nhân nào, vì báo cáo được xây dựng không nhằm phục vụ lợi ích cá nhân

Các thông tin cần chú ý khác

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, tác giả không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành. VEPR có quy trình thủ tục để xác định xử lý các mâu thuẫn về lợi ích nảy sinh liên quan đến nhóm tác giả. Mọi đóng góp và trao đổi vui lòng gửi về: Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, Phòng 707, Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Email: vepr@vnu.edu.vn.

1. NHỮNG DIỄN BIẾN MỚI VÀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 2022

1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới quý I/2022

Đại dịch Covid-19

Năm 2022 được cho là năm kinh tế thế giới sẽ phục hồi sau cú sốc COVID-19. Theo các tổ chức dự báo chính thức, vào cuối năm 2022, kinh tế Mỹ, châu Âu và Trung Quốc gần như sẽ trở lại mức trước đại dịch bên cạnh đó, các nền kinh tế mới nổi khác cũng sẽ tăng trưởng nhanh và dần trở lại bình thường. Tuy nhiên, với sự hình thành các biến chủng mới, dự kiến đại dịch Covid-19 tiếp tục kéo dài trong năm 2022, cùng với đó là tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận và phân phối vắc xin ở quy mô toàn cầu chưa thể giải quyết dứt điểm. Tình trạng khó kiểm soát của dịch bệnh tác động tiêu cực, kéo dài đến kinh tế toàn cầu sẽ làm thay đổi trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị, tổ chức hoạt động kinh tế và đời sống xã hội thế giới.

Từ đầu năm 2022, Trung Quốc đang trải qua đợt bùng phát đại dịch COVID-19 tồi tệ nhất kể từ đợt bùng phát đầu tiên tại Vũ Hán năm 2020 và dẫn tới sự phong tỏa nghiêm ngặt tại nhiều thành phố lớn. Tại Thượng Hải, chính quyền thành phố đã áp đặt lệnh phong tỏa lên toàn thành phố 26 triệu dân. Trung Quốc đã đưa ra tín hiệu sẽ thực hiện gói hỗ trợ khi làn sóng Omicron tác động tới việc mở rộng các đợt phong tỏa trên cả nước, đồng thời chính phủ cũng tạm ngừng mở rộng việc thử nghiệm thuế bất động sản mới.

Chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga ở Ukraine

Cuộc chiến của Nga tại Ukraine đã tác động mạnh đến cục diện chính trị thế giới và thay đổi một cách cơ bản trật tự an ninh châu Âu, gây xáo trộn lớn trên thị trường tài chính, dầu khí và ngũ cốc thế giới; làm tăng lạm phát và giảm tăng trưởng kinh tế trên toàn thế giới. Chiến dịch quân sự đặc biệt của Nga tại Ukraine và biện pháp cấm vận của phương Tây đã gây ra thiếu hụt và nâng giá nhiều loại hàng như dầu khí, ngũ cốc và một số khoáng sản chiến lược. Ngoài ra, việc giao dịch với các doanh nghiệp Nga – hoặc trực tiếp bị cấm vận hoặc gián tiếp vì khó khăn trong việc chi trả thanh toán – sẽ trở nên phức tạp và tốn kém hơn nhiều. Tình trạng này đã gây thiếu hụt, chậm trễ và tăng chi phí trong dây chuyền sản xuất nhiều ngành công nghiệp. Căng thẳng giữa Nga và Ukraine đang gây ra cú sốc lạm phát đình trệ nghiêm trọng, đẩy giá cả tăng cao khi nguồn cung năng lượng bị đe dọa và siết chặt thu nhập của các hộ gia đình và doanh nghiệp khi các mặt hàng thiết yếu trở nên đắt đỏ hơn.

OECD ước tính sức mạnh chính sách tài khóa, có tác dụng kích thích ở châu Âu và Trung Quốc trong khi trì hoãn tăng trưởng ở Mỹ, sẽ đủ để giảm một nửa những tác động trực tiếp tới sản lượng kinh tế do cuộc khủng hoảng Ukraine gây nên và sẽ không gây lạm phát nếu nhằm vào

các hộ gia đình nghèo, nhóm đối tượng chịu tác động nặng nề hơn do chi phí thực phẩm, sưởi ấm và điện cao.

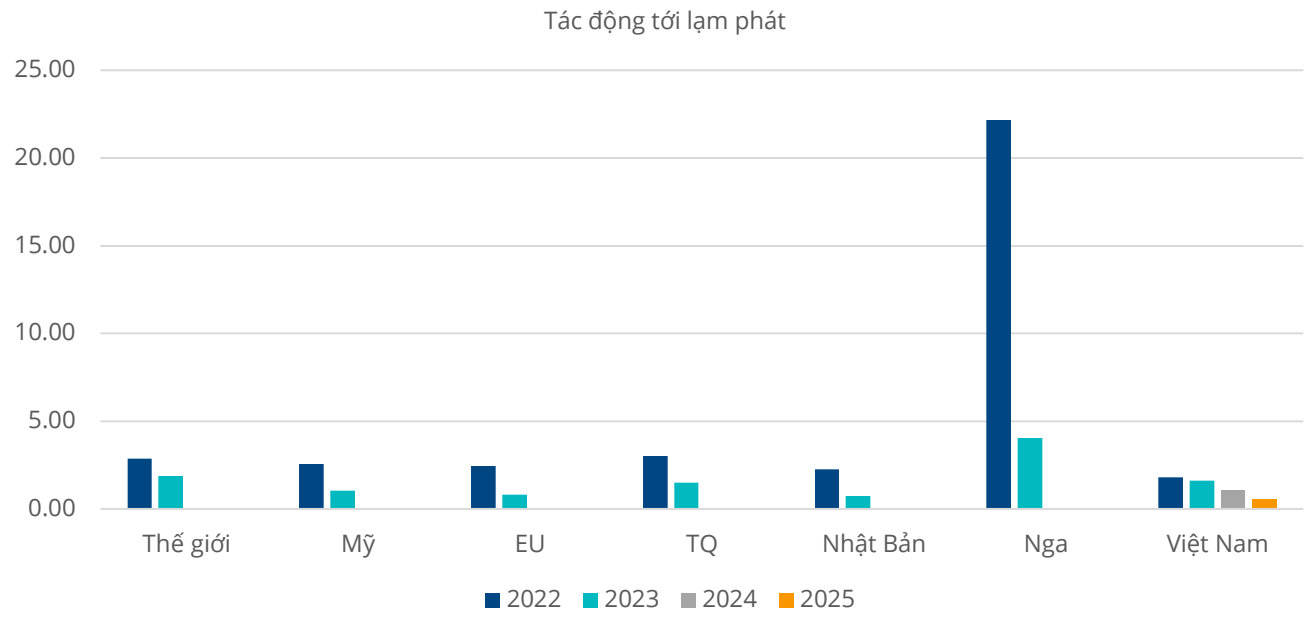

Biểu đồ 1.1. Tác động của bối cảnh thế giới tới lạm phát toàn cầu

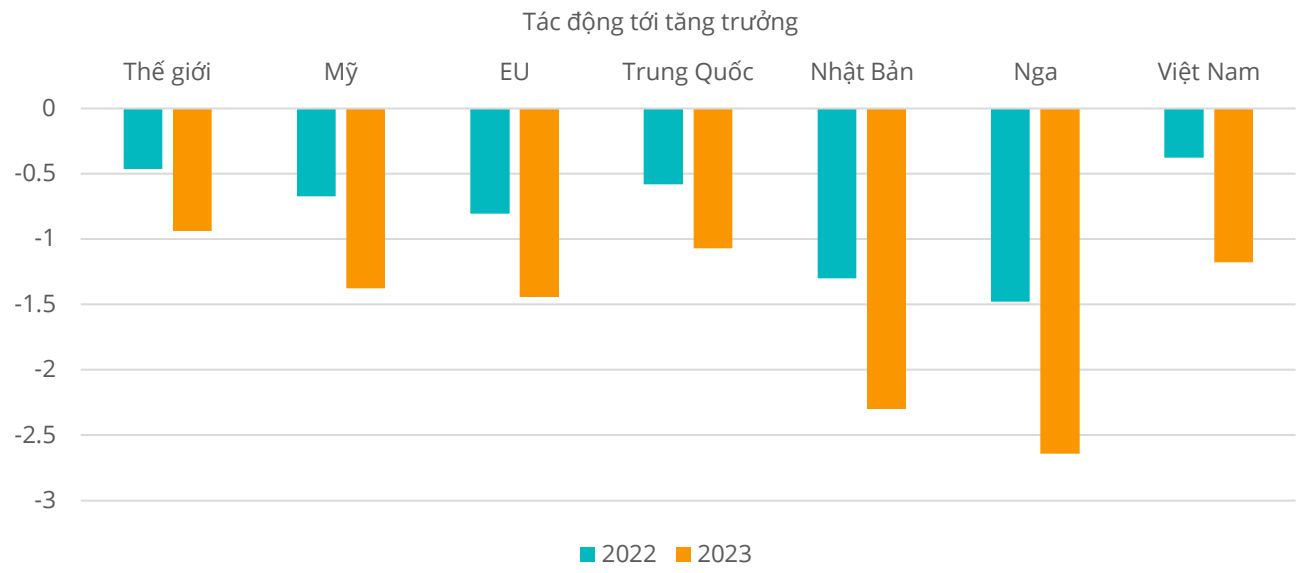

Biểu đồ 1.2. Tác động của bối cảnh thế giới tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

1.2. Tổng quan kinh tế Thế giới cuối năm 2021 và đầu năm 2022

Giá cả và lạm phát: Đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình kinh tế thế giới cuối năm 2021 và đầu năm 2022, khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, nguồn cung bị thiếu hụt, bóp nghẹt, gián đoạn kéo dài và nghiêm trọng hơn dự kiến, khủng hoảng giá năng lượng và tình trạng thiếu hụt năng lượng toàn cầu diễn ra trầm trọng ở nhiều nơi, đẩy giá năng lượng quốc tế lên cao, gây áp lực mạnh lên lạm phát, làm đội chi phí và ảnh hưởng mạnh đến sản xuất; lạm phát cao kỷ lục tại nhiều quốc gia, vượt quá dự báo của các NHTW, có xu hướng tăng mạnh vào cuối năm và không còn là vấn đề tạm thời như nhận định của nhiều tổ chức quốc tế và NHTW, đã trở thành mối đe dọa toàn cầu, thường trực và kéo dài, thậm chí đã xuất hiện nhiều cảnh báo nguy cơ khủng hoảng do lạm phát trong trung hạn, nhiều NHTW đã phải bắt đầu thắt chặt tiền tệ.

Biểu đồ 1.3. Dự báo giá hàng hóa thay đổi

Nguồn: IMF

Biểu đồ 1.4. Lạm phát khu vực châu Âu vào tháng 3 năm 2022 (%)

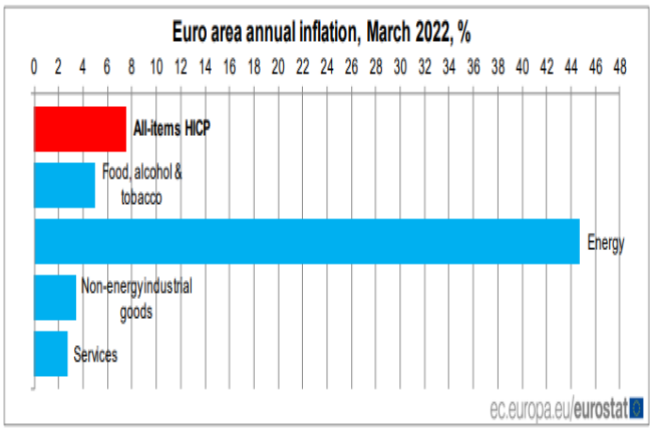

Nguồn: ec.europa.eu/eurostat

Tại EU nơi trực tiếp chịu ảnh hưởng của cuộc chiến giữa Nga và Ukraine, nhìn vào các thành phần chính của lạm phát (Biểu đồ 1.4) khu vực đồng Euro, năng lượng có tỷ lệ cao nhất hơn 44%, tiếp theo là thực phẩm, rượu và thuốc lá chiếm khoảng 5%, hàng công nghiệp phi năng lượng chiếm gần 4%, và dịch vụ hơn 2%. Tại Mỹ, Lạm phát đạt mức cao mới trong 40 năm vào tháng trước, với giá tiêu dùng tăng 8% so với một năm trước. Một gallon xăng đang chạm mức 7 USD ở một số tiểu bang. Mỹ đang ở trong tình trạng "lạm phát bùng nổ" - lạm phát đi đôi với tăng trưởng mạnh và thị trường lao động gần như phục hồi. Lạm phát tăng làm giảm sức mua của hộ gia đình, xói mòn lòng tin của người tiêu dùng, củng cố khả năng FED sẽ đẩy nhanh việc nâng lãi suất và siết chặt tiền tệ.

Theo EIU, các mặt hàng năng lượng tiếp tục tăng giá. Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina đột ngột đưa giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng vọt, thậm chí có thể kéo dài trong vài tháng tới, điều này sẽ khiến giá năng lượng duy trì ở mức cao kỷ lục. Giá năng lượng tăng trong nửa cuối năm 2021 và dự kiến tăng mạnh vào năm 2022. Giá khí đốt tự nhiên và giá than tăng đặc biệt mạnh, được thúc đẩy bởi sự phục hồi của cung và cầu hạn chế, mặc dù giá than đã giảm vào cuối năm. Giá năng lượng đã "nhảy vọt" 23% trong 1 năm qua, trong khi giá khí đốt tại châu Âu và Mỹ đã tăng lần lượt hơn 350% và hơn 120%, còn giá dầu tăng khoảng 50%; giá dầu Brent đạt mức cao nhất trong 7 năm, tăng từ 52 USD/thùng đầu năm 2021 lên 86 USD/thùng. Trong đầu tháng 3/2022, giá dầu đã tăng hơn 30% kể từ khi Nga thực hiện chiến dịch quân sự đặc biệt liên quan tới Ukraine, cùng với việc Mỹ và các nước phương Tây áp đặt một loạt lệnh trừng phạt. Xuất khẩu dầu và khí đốt của Nga cũng đã chậm lại trước lệnh cấm do các thương nhân tìm cách tránh né ảnh hưởng của các lệnh trừng phạt trong tương lai. Giá dầu Brent biển Bắc đứng ở mức 127,98 USD/thùng, còn giá dầu WTI đạt mức 123,70 USD/thùng.

Biểu đồ 1.5. Dự báo giá hàng hóa thay đổi

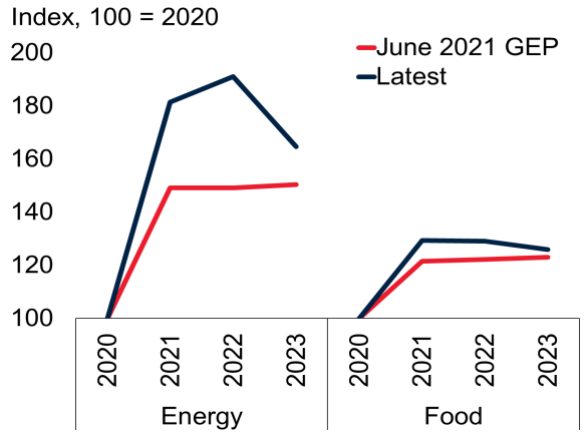

Nguồn: World Bank

Biểu đồ 1.6. Giá dầu thế giới năm 2021 và đầu năm 2022

Nguồn: IEA

Chỉ số giá lương thực, thực phẩm FAO (FFPI) đạt trung bình 140,7 điểm vào tháng 2 năm 2022, tăng kỷ lục, 5,3 điểm (3,9%) so với tháng 1 và cao hơn 24,1 điểm (20,7 %) so cùng kỳ năm trước, vượt mức cao nhất trước đó trong tháng 2/2021 (3,1 điểm). Giá toàn cầu đối với các mặt hàng nông sản đã tăng vọt và sẽ tiếp tục tăng lên chừng nào xung đột vẫn diễn ra ở Ukraine

Giá năng lượng tăng trong nửa cuối năm 2021 và dự kiến tăng mạnh vào năm 2022. Giá khí đốt tự nhiên và giá than tăng đặc biệt mạnh, được thúc đẩy bởi sự phục hồi của cung và cầu hạn chế, mặc dù giá than đã giảm vào cuối năm. Dầu nhu cầu dự kiến sẽ lấy lại mức trước đại dịch vào năm 2022. Giá kim loại đã phân kỳ, với quặng sắt đạt đỉnh và sau đó giảm trong bối cảnh Trung Quốc hạn chế đối với sản xuất thép và giá hầu hết kim loại cơ bản được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ. Theo IMF, năm 2022, lạm phát dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, trung

bình 3,9% ở các nền kinh tế phát triển và 5,9% ở thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Áp lực lạm phát đặc biệt rõ rệt ở Hoa Kỳ, khu vực đồng Euro, Mỹ Latinh và Caribe. Theo ADB, lạm phát ở các quốc gia đang phát triển châu Á dự kiến 2.7%. Xu hướng giá thực phẩm và hàng hóa quốc tế cao hơn hiện nay có thể gây ra lạm phát ở một số nền kinh tế trong khu vực.

Lãi suất thế giới tăng: Kịch bản tăng lãi suất được đưa ra sau cuộc họp chính sách tháng 3 của Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Fed cũng cho biết đã lên kế hoạch tăng thêm sáu lần nữa trong năm 2022 với lãi suất dự kiến đạt 1,9% vào cuối năm 2022. Theo IMF, việc tiết giảm chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ sẽ gây áp lực lên các đồng tiền của thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Lãi suất cao hơn cũng sẽ làm cho việc đi vay trên toàn thế giới trở nên đắt đỏ hơn. Mặc dù việc củng cố tài khóa được thực hiện ở nhiều thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển vào năm 2022, gánh nặng nợ cao sau đại dịch sẽ là một thách thức trong những năm tiếp theo.

Thị trường lao động phục hồi chậm: Tổ chức ILO cho rằng khả năng phục hồi của thị trường lao động năm 2022 chậm và không chắc chắn do đại dịch đang tiếp tục tác động và nảy sinh nhiều biến chủng mới, "đe dọa" thị trường lao động toàn cầu. ILO dự kiến mức thâm hụt thời gian làm việc toàn cầu trong năm 2022 so với Quý IV/2019 sẽ tương đương với 52 triệu việc làm toàn thời gian. Ước tính thất nghiệp toàn cầu năm 2022 là 207 triệu người, so với 186 triệu năm 2019. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động toàn cầu năm 2022 dự kiến sẽ vẫn thấp hơn 1,2 điểm phần trăm so với năm 2019. Thị trường lao động đang phục hồi nhưng không đồng đều, tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ và EU đều thấp kỷ lục nhưng tỷ lệ việc làm trên toàn thế giới vẫn ở dưới mức trước đại dịch.

Đầu tư quốc tế: Cổ phiếu đã khởi đầu năm ở mức kỷ lục, sau khi chỉ số S&P 500 tăng 27% vào năm ngoái. Sau ba tháng, các chỉ số chính đều giảm và Nasdaq giảm 10% so với mức kỷ lục vào tháng 11. Các cổ phiếu công nghệ khổng lồ như Amazon và Microsoft đang đè nặng lên toàn bộ thị trường. Đầu tư quốc tế dự kiến tăng trong thời gian tới. Theo báo cáo, FDI toàn cầu có thể tăng trưởng trong năm 2022, song khó có thể lặp lại tốc độ tăng trưởng phục hồi như của năm 2021. Nguồn vốn dự án quốc tế trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng của FDI.

Thương mại toàn cầu: Thương mại toàn cầu phục hồi, đã vượt mức trước đại dịch và đạt mức cao kỷ lục 28,5 nghìn tỷ USD; Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu tăng từ 53,6 điểm (tháng 1/2021) lên 54,2 điểm (tháng 11/2021), Sự gia tăng sản xuất công nghiệp ngày càng đóng góp lớn cho tăng trưởng thương mại toàn cầu thúc đẩy thương mại bền vững. Nhưng phục hồi không đồng đều giữa Mỹ, EU và một số nền kinh tế chủ chốt cũng như giữa khu vực hàng hóa và dịch vụ, và có xu hướng chậm dần trong những tháng cuối năm 2021.

Biểu đồ 1.7. Tỉ lệ thay đổi trong tăng trưởng thương mại toàn cầu

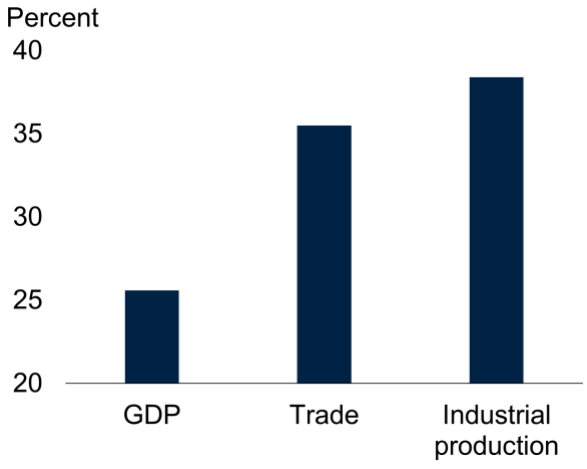

Nguồn: World Bank

Biểu đồ 1.8. Chỉ số thương mại toàn cầu PMI

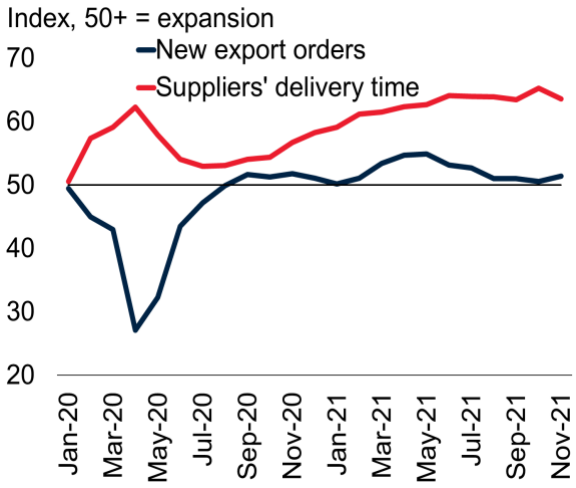

Nguồn: World Bank

Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ (FED) đẩy nhanh việc nâng lãi suất và siết chặt tiền tệ. Tháng 3/2022, FED đã tăng lãi suất liên bang thêm 0,25% lên phạm vi 0,25-0,5%[1]. Việc tăng lãi suất có thể không gây ra cú sốc lớn cho thị trường tài chính nhưng chắc chắn có thể làm chậm sự phục hồi và làm tổn hại tới sự tăng trưởng của châu Á.

Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB), trong tuyên bố sau cuộc họp ngày 16/12/2021, thông báo sẽ giữ nguyên lãi suất ở mức thấp kỷ lục hiện nay, tuy nhiên, sẽ giảm dần tốc độ thu mua trái phiếu theo chương trình Khẩn cấp thu mua trái phiếu giai đoạn đại dịch (PEPP) trị giá 1.850 tỷ euro (2.100 tỷ USD) trong quý 1/2022 và sẽ ngừng mua tài sản ròng theo PEPP vào cuối tháng 3/2022 đúng như kế hoạch.

Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BoJ) đã ra quyết định chấm dứt một số biện pháp kích thích tiền tệ khẩn cấp. Nhưng BOJ vẫn giữ nguyên chính sách tiền tệ siêu lỏng nhằm duy trì lãi suất cho vay đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp ở mức thấp với lãi suất ngắn hạn giữ nguyên ở mức âm 0,1% và lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm ở mức khoảng 0%.

NHTW Trung Quốc (PBoC) đang nới lỏng chính sách kinh tế để sẵn sàng ứng phó với những tác động từ việc Mỹ tăng lãi suất và thúc đẩy phục hồi kinh tế: PBoC đã hạ lãi suất cho vay chuẩn

[1] *Ngày 16-3, FED đã tăng lãi suất liên bang thêm 0,25% lên phạm vi 0,25-0,5%. Đây là lần đầu tiên FED thực hiện tăng lãi suất kể từ năm 2018, giữa bối cảnh lạm phát tại Mỹ đã tăng lên mức cao nhất của 4 thập niên.*

(LPR) và lãi suất cho vay trung hạn[2]. Trung Quốc dự kiến sẽ đưa ra một số gói kích thích, nới lỏng tín dụng ở mức vừa phải, tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa và người tiêu dùng nhằm bảo đảm việc làm, an sinh xã hội và kích thích tiêu dùng trong nước.

1.3. Triển vọng Kinh tế thế giới

Biểu đồ 1.9. Độ lệch sản lượng so với xu hướng trước đại dịch

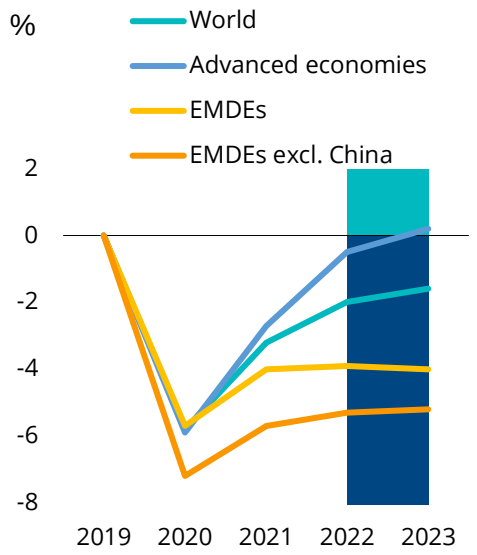

Nguồn: World Bank

Biểu đồ 1.10. Tỷ trọng của các nền kinh tế có mức GDP bình quân đầu người thấp hơn năm 2019

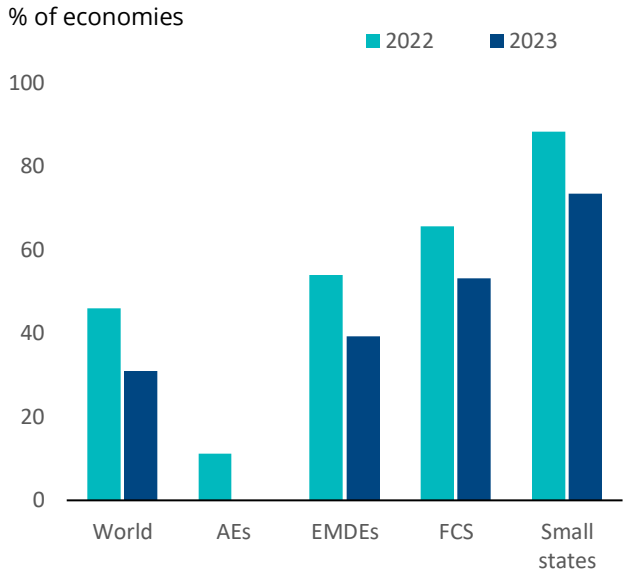

Nguồn: World Bank

Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ giảm tốc từ 5,5% năm 2021 xuống 4,1% năm 2022, phản ánh sự bùng phát COVID-19 tiếp tục, hỗ trợ chính sách giảm và nguồn cung bị gián đoạn kéo dài. Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo là sẽ chậm hơn nữa vào năm 2023 là 3,2%, do nhu cầu năng lượng ngày càng cạn kiệt và các chính sách kinh tế vĩ mô hỗ trợ chưa được điều chỉnh phù hợp (Biểu đồ 1.11). Tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến được dự báo là giảm từ 5% năm 2021 xuống 3,8% vào năm 2022. Đóng góp vào tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2022 của EU khoảng 0.7%, của Mỹ là 0.6%, Trung Quốc là 0.8% và các quốc gia khác đóng góp 2%. Trong đó, tiêu dùng cá nhân được dự đoán vẫn là thành phần đóng góp nhiều nhất với 2.8% năm 2022 và 2% năm 2023. Bất chấp sự tăng trưởng chậm lại, dự kiến tốc độ mở rộng quy mô sẽ đủ để tổng sản lượng của nền kinh tế các nước tiên tiến trở lại như trước đại dịch vào năm 2023 và

[2] *Ngày 20/12/2021, PBoC đã hạ lãi suất cho vay chuẩn (LPR) lần đầu tiên kể từ tháng 4/2020. Ngày 17/01/2022, PBoC tiếp tục lần đầu tiên hạ lãi suất cho vay trung hạn kể từ tháng 4/2020, hạ 10 điểm cơ bản, từ 2,95% xuống 2,85%, đồng thời, hạ lãi suất cho vay với hợp đồng mua lại đảo ngược 7 ngày, từ 2,2% xuống còn 2,1%. Ngày 20/1/2022 Trung Quốc tiếp tục hạ lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm thêm 0,1%, về 3,7%/năm.*

hoàn thành phục hồi theo chu kỳ. Sự phục hồi bền vững được dự đoán cho đầu tư, dựa trên tổng cầu bền vững và các chính sách tiền tệ thuận lợi.

Biểu đồ 1.11. Đóng góp của nền kinh tế chính vào tăng trưởng toàn cầu

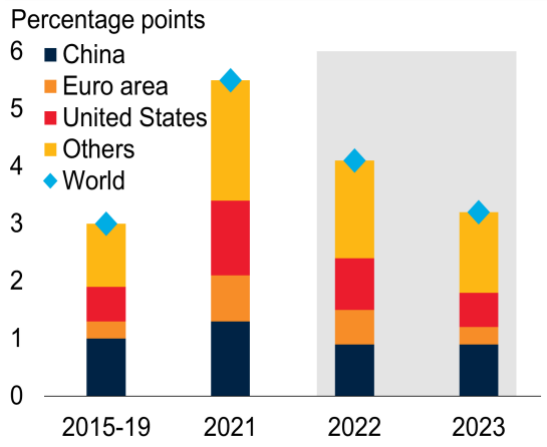

Nguồn: World Bank

Biểu đồ 1.12. Các thành phần đóng góp vào tăng trưởng toàn cầu

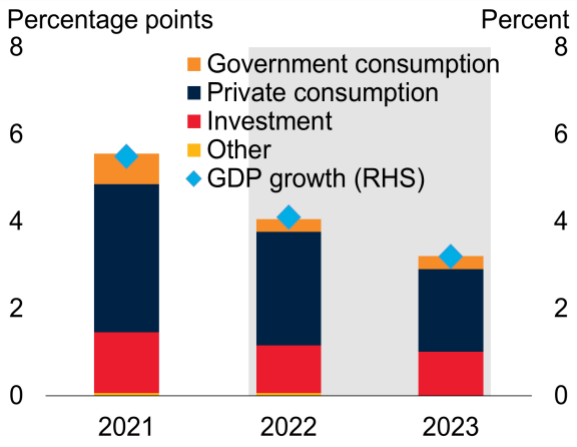

Nguồn: World Bank

Tăng trưởng của các nước đang phát triển và mới nổi (EMDEs) dự kiến sẽ chậm lại từ 6,3% vào năm 2021 đến 4,6% vào năm 2022. Liên tục rút hỗ trợ kinh tế vĩ mô, cùng với Covid-19 bùng phát giữa sự lan rộng của biến thể Omicron, những trở ngại về tiêm chủng, tất cả đã đè nặng lên sự phục hồi của nhu cầu trong nước. Trong một phần ba các nền kinh tế EMDEs, chiếm phần nhiều trong số đó là các nền kinh tế nhỏ dựa vào du lịch hoặc tiểu bang, sản lượng năm nay dự kiến sẽ vẫn thấp hơn so với năm 2019. Tăng trưởng ở Trung Quốc dự kiến sẽ giảm bớt xuống còn 5,1% trong năm nay và đóng góp và tăng trưởng toàn cầu giảm còn khoảng 0.8%, điều đó phản ánh tình trạng kéo dài ảnh hưởng của đại dịch và các quy định bổ sung để thắt chặt chính sách. Tăng trưởng của các quốc gia có thu nhập thấp (LICs) được dự đoán sẽ giảm xuống 4,9% vào năm 2022 - thấp nhất trong lịch sử, vì chính sách hạn chế hạn chế phục hồi và lạm phát cao bao gồm giá cả hàng hóa, lương thực và xung đột trong một số trường hợp làm giảm mức tiêu thụ.

Bảng 1.1. Tác động của Covid-19 và chi tiêu cho sức khỏe tới tăng trưởng

	Kịch bản cơ sở tăng trưởng GDP (%)		Độ lệch đường cơ sở của kịch bản bi quan (điểm %)		Độ lệch đường cơ sở từ tác động của chính sách (điểm %)	
Các nước đang phát triển	**2021**	**2022**	**2021**	**2022**	**2021**	**2022**
Đông Nam Á	**3.0**	5.1	**0.0**	-0.8	**0.0**	1.5
Brunei	**1.8**	3.5	**0.0**	-0.4	**0.0**	1.1
Cam-pu-chia	**1.9**	5.5	**0.0**	-0.4	**0.0**	1.1
Insia	**3.5**	5.0	**0.0**	-0.5	**0.0**	1.4
Lào	**2.3**	4.0	**0.0**	-0.8	**0.0**	1.6
Malaysia	**3.8**	5.9	**0.0**	-0.8	**0.0**	1.3
Philippines	**5.1**	6.0	**0.0**	-0.4	**0.0**	1.1
Singapore	**6.9**	4.1	**0.0**	-0.2	**0.0**	1.7
Thailand	**1.0**	4.0	**0.0**	-1.1	**0.0**	2.4
Việt Nam	**2.0**	6.5	**0.0**	-1.9	**0.0**	1.0

Nguồn: Ngân hàng phát triển Châu Á- ADB

Bảng 1.2. Sản lượng đầu ra của các quốc gia khu vực ASEAN

	Xu hướng tăng trưởng (%)	Dự báo (%)		Độ lệch so với xu hướng (%)	
	2010-2019	2021	2022	2021	2022
ASEAN	5.3	3.2	5.1	-10.6	-10.3
ASEAN-5	5.1	4.0	5.0	-10.5	-10.7
Indonesia	5.4	3.7	5.0	-8.6	-9.0
Malaysia	5.3	3.1	5.9	-12.3	-11.8
Philippines	6.4	5.6	6.0	-15.7	-16.0
Singapore	4.9	7.6	4.1	-7.5	-8.3
Thailand	3.6	1.6	4.0	-11.2	-10.8
BCMLV	6.3	-2.0	6.2	-11.4	-7.2
Brunei Darussalam	0.5	1.8	3.5	2.1	5.1
Cambodia	7.0	1.9	5.5	-13.8	-15.0
Laos	7.3	2.3	4.0	-11.6	-14.3
Vietnam	6.3	2.6	6.5	-6.6	-6.4

Nguồn: Ngân hàng phát triển Châu Á- ADB

Theo ADB (2022), đầu tư cho y tế có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng cách tăng cường tham gia lao động và năng suất. Tăng trưởng kinh tế của Đông Nam Á có thể tăng 1,5 điểm phần trăm nếu chi tiêu cho y tế trong khu vực đạt khoảng 5% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), so với mức 3,0% vào năm 2021. Bên cạnh đó, hầu hết các quốc gia chứng kiến lượt khách ghé thăm các khu vực bán lẻ và giải trí tăng 161% trong giai đoạn hai năm tính tới ngày 16 tháng 2 năm 2022. Điều đó cho thấy triển vọng tăng trưởng sáng sủa hơn đối với các nền kinh tế có khả năng ứng dụng công nghệ rộng rãi, xuất khẩu hàng hóa.

Về vấn đề lạm phát: Sức ép lạm phát dự báo sẽ vẫn tiếp tục tăng cao và kéo dài trong năm 2022[3], nhiều áp lực lạm phát không xuất phát từ yếu tố tiền tệ như: (i) giá năng lượng và giá lương thực, thực phẩm tăng cao[4]; (ii) tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu có thể kéo dài; (iii) các chính sách hỗ trợ như giảm thuế, phí,... hết hiệu lực dẫn đến giá cả tăng trở lại ; (iv) sự xuất hiện của các biến chủng virus làm gia tăng mất cân bằng cung - cầu và đẩy giá lên cao. IMF dự báo lạm phát ở các nền kinh tế phát triển đạt 3,9% năm 2022 và 5,9% ở các nước mới nổi và đang phát triển,9%, đồng thời khuyến nghị cần phải rất thận trọng, kiểm soát tốt kỳ vọng lạm phát và sẵn sàng thắt chặt chính sách để ổn định giá cả. Tuy nhiên sức ép này chưa bao gồm sự thay đổi khó lường của cuộc chiến Nga- Ukraine.

2. BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021, ĐẦU NĂM 2022 VÀ TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG NĂM 2022

2.1. Bức tranh Kinh tế Việt Nam năm 2021 và đầu năm 2022

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn của kinh tế Việt Nam. Trong khi kinh tế phục hồi ở hầu hết các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam (Mỹ, EU, Trung Quốc...); GDP, thương mại, đầu tư toàn cầu tăng trưởng mạnh thì Việt Nam ở trạng thái đóng cửa kéo dài, nhất là tại các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, kinh tế khó khăn nhất kể từ khi dịch COVID-19 diễn ra. Tăng trưởng GDP giảm thấp nhất trong vài thập kỉ (chỉ đạt 2,58%), thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng bình quân của kinh tế thế giới, các nền kinh tế phát triển, các quốc gia mới nổi và đang phát triển, thậm chí có phần kém hơn mức tăng trưởng bình quân của nhóm các quốc gia thu nhập thấp (Biểu đồ 2.1 & 2.2).

---

[3] *IMF: dự báo năm 2022, giá dầu tăng 12%, khí đốt tăng 58%, lương thực tăng 4,5%*

[4] *Giá lương thực, thực phẩm ở Châu Phi, Trung Đông, Trung Á tăng mạnh làm lạm phát ở các nước gia tăng.*

Biểu đồ 2.1. So sánh xu hướng tăng trưởng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2019-2021

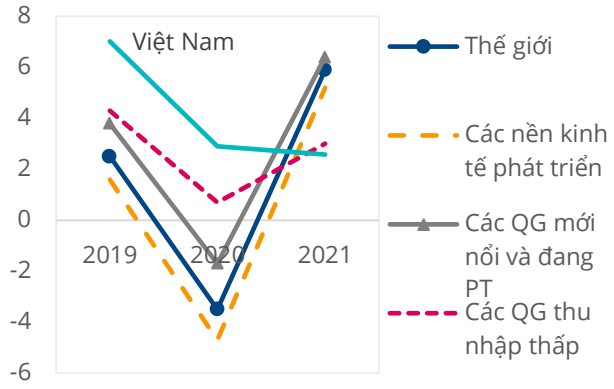

Nguồn: IMF (1/2022) và Tổng cục Thống kê VN

Biểu đồ 2.2. So sánh xu hướng tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các đối tác thương mại lớn

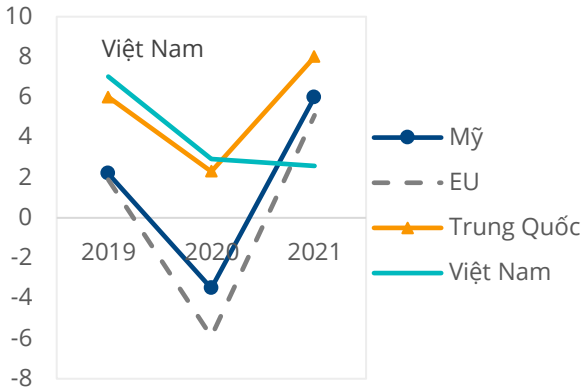

Nguồn: IMF (1/2022) và Tổng cục Thống kê VN

Nguyên nhân là do (1) Việt Nam chưa có sự chuẩn bị tốt khi đối phó với làn sóng dịch thứ 4. Sự chậm trễ trong việc khởi động chương trình tiêm chủng vaccine ngừa COVID-19, cùng với việc chưa có nhiều kinh nghiệm trong xử lý tình huống đại dịch trên quy mô lớn đã buộc chúng ta phải kéo dài thời gian giãn cách xã hội nghiêm ngặt, dẫn đến tổn thất nặng nề về kinh tế để đảm bảo cho sự an toàn của người dân. Và (2), mặc dù đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ kinh tế, nhưng quy mô và hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ còn nhiều hạn chế.

Những thay đổi về quan điểm, cách tiếp cận và việc áp dụng một số chính sách mới đã giúp nền kinh tế, cả khu vực công nghiệp và dịch vụ chuyển biến tích cực. Đặc biệt, chiến dịch tiêm chủng vaccine "thần tốc" triển khai mạnh mẽ từ cuối Quý III/2021 đã giúp Việt Nam nhanh chóng cải thiện tình hình. Tỷ lệ bao phủ vaccine cao tạo điều kiện để Việt Nam chuyển hướng chính sách phòng chống dịch COVID-19 từ "Zero Covid" sang "thích ứng an toàn với COVID-19". Đây là bước chuyển cần thiết và phù hợp trước các diễn biến mới của dịch bệnh và nền kinh tế, nhằm thực hiện mục tiêu khôi phục nền kinh tế trong điều kiện đảm bảo an toàn cho người dân, dù tình hình dịch bệnh trong nước và trên toàn cầu còn diễn biến phức tạp. Nghị định 128/NĐ-CP (11/10/2021) về thích ứng an toàn với dịch COVID-19 đã tạo điều kiện mở cửa trở lại nền kinh tế, khơi thông dần các điểm nghẽn về vận tải, cung ứng hàng hóa, lưu thông giữa các tỉnh, thành phố và thu hút lao động trở lại các thành phố, các trung tâm công nghiệp; thực hiện thí điểm đón khách du lịch quốc tế tại một số địa điểm như Đã Nẵng, Quảng Nam, Phú Quốc,... (từ tháng 11/2021) giúp không chỉ khu vực công nghiệp mà cả khu vực dịch vụ - vốn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh - đều có sự cải thiện. Tăng trưởng GDP Quý IV/2021 đạt 5,22%, so với mức tăng trưởng -6,17% trong Quý III/2021.

Tháng 11/2021, biến chủng Omicron bắt đầu xuất hiện và lây lan nhanh ở Việt Nam. Số ca nhiễm mới tăng mạnh ở hầu hết các tỉnh/thành đặc biệt là trong Quý I/2022, sóng dịch dường như đạt

đỉnh vào tháng 2-3/2022 (Biểu đồ 2.3), với số ca nhiễm mới trung bình 7 ngày có thời điểm lên tới 274.000 ca/ngày (vào trung tuần tháng 3/2022). Tính đến ngày 18/4/2021, tổng số ca nhiễm mới tại Việt Nam là 10,4 triệu người. Tuy nhiên, chiến dịch tiêm chủng vaccine tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ bao phủ tiếp tục tăng cao cùng với các biện pháp linh hoạt để thích ứng an toàn với dịch bệnh đã giúp Việt Nam kiểm soát tương đối tốt tình hình. Số cả tử vong giảm thấp, tỷ lệ tử vong giảm xuống còn 0,4%. Nhiều hoạt động kinh tế được khôi phục. Các hoạt động kinh doanh vui chơi, giải trí, karaoke, vũ trường chính thức được mở cửa hoạt động trở lại tại Hà Nội; học sinh các cấp được đồng loạt tới trường...

Biểu đồ 2.3. Số ca nhiễm mới và số ca tử vong mới (bình quân động 7 ngày)

Ghi chú: Số ca nhiễm mới – nghìn ca, trục trái; số ca tử vong – ca, trục phải.
Nguồn: Our World of Data và WB (4/2022)

Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không "lỡ nhịp" với đà phục hồi của kinh tế thế giới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023 và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình. Các Bộ, ngành, địa phương đã và đang tập trung xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện đồng bộ các giải pháp. Một số chính sách đã được thực thi ngay trong Quý I/2022, như triển khai thực hiện việc giảm thuế VAT (từ 01/2/2022), giảm thuế môi trường 2000 VND/lit đối với xăng dầu, hỗ trợ an sinh trực tiếp đối với người lao động.

Đặc biệt, cho đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn đang kiểm soát tương đối tốt vấn đề lạm phát mặc dù có dấu hiệu và áp lực gia tăng chi phí sản xuất do lạm phát toàn cầu và giả cả nguyên, nhiên vật liệu từ thế giới tăng mạnh, nhất là giá cả năng lượng, nhiên liệu, khí đốt, kim loại và nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng do tác động của xung đột Nga – Ukraine. Từ năm 2021, lạm phát toàn cầu đã có xu hướng tăng cao, ước đạt 3,8%, cao nhất trong vòng 10 năm. Riêng tại Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 4,7%, mức tăng cao nhất trong gần 40 năm, và lạm phát lên tới 7% (yoy) vào cuối năm 2021, tiếp tục tăng lên mức 8% vào tháng 3/2022.

Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển quốc tế liên tục tăng cao. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công. Quý I/2022, CPI vẫn tiếp tục ở mức thấp, chỉ tăng 1,92% so với cùng kì năm 2021. Giá lương thực thực phẩm ổn định (nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất (33,56%) trong giỏ hàng hàng hóa tính CPI); cầu còn yếu do tác động của dịch COVID-19 và việc thực hiện linh hoạt các biện pháp kiểm soát giá cả, chính sách tỷ giá, chính sách lãi suất phù hợp và một số chính sách khác như giảm thuế VAT với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ từ 10% xuống còn 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022.... là các nhân tố giữ CPI vẫn ở mức thấp. Lạm phát cơ bản bình quân chỉ tăng 0,81% so với năm trước, cho thấy tác động của các biện pháp nới lỏng tiền tệ đến lạm phát vẫn trong giới hạn kiểm soát, tạo dư địa điều hành cho NHNN.

Kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh, mở cửa dần nền kinh tế, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt vấn đề lạm phát... đã giúp nền kinh tế đạt được một số kết quả tích cực trong Quý I/2022. Dữ liệu từ GSO cho thấy, các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản trong quý I/2022 đều cho thấy sự cải thiện.

GDP quý I/2022 đạt mức tăng trưởng 5,03%, so với mức tăng 4,72% của quý I/2021 và 3,68% của quý I/2020. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, đóng góp 0,29 điểm % vào; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38%, đóng góp 2,57 điểm %; Khu vực dịch vụ đã nhích tăng 4,58%, đóng góp 2,17 điểm % vào tăng trưởng toàn nền kinh tế.

Biểu đồ 2.4. Tăng trưởng GDP Quý I/2022 so với trước đó

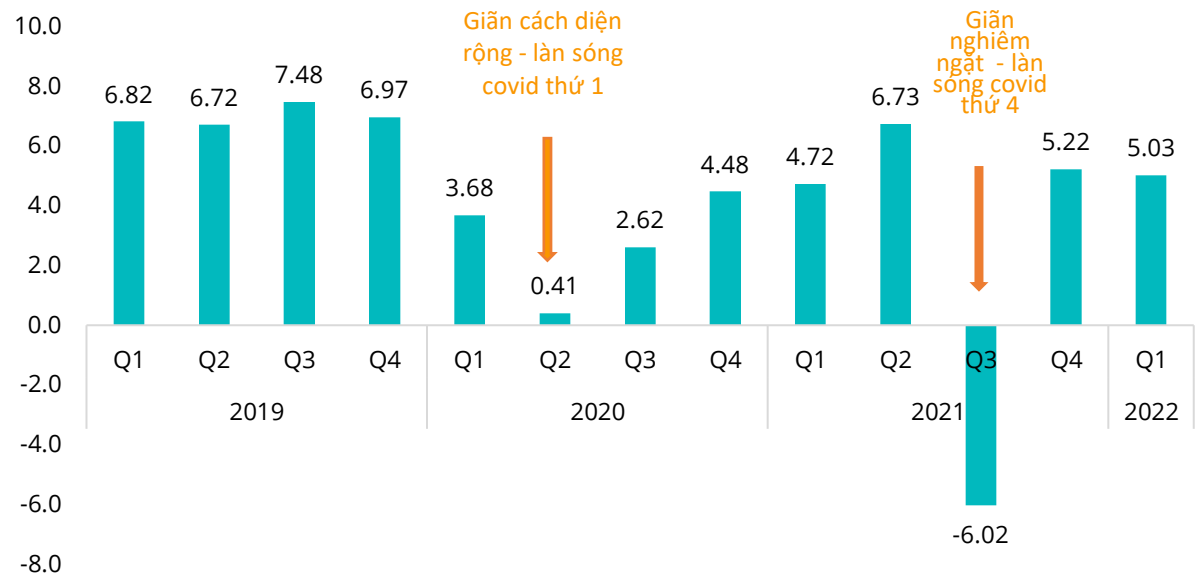

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế, tiếp tục khởi sắc với mức tăng trưởng 7,79%. Một số ngành công nghiệp tăng trưởng rất tốt nhờ thị trường quốc tế phục hồi mạnh, nhu cầu hàng xuất khẩu tăng cao. Trong đó, ngành may mặc đạt kết quả tốt nhất, với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 24,1%; tiếp đến là sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu tăng 16,2%; thiết bị điện tăng 12,2%; da giày và sản phẩm liên quan tăng 10,4%; sản xuất kim loại tăng 10,1%; điện tử, máy tính tăng 9,4%;..... Chỉ số tiêu thụ công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 3/2022 tăng mạnh 19,1% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,8%).

Biểu đồ 2.5. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp và công nghiệp CBCT

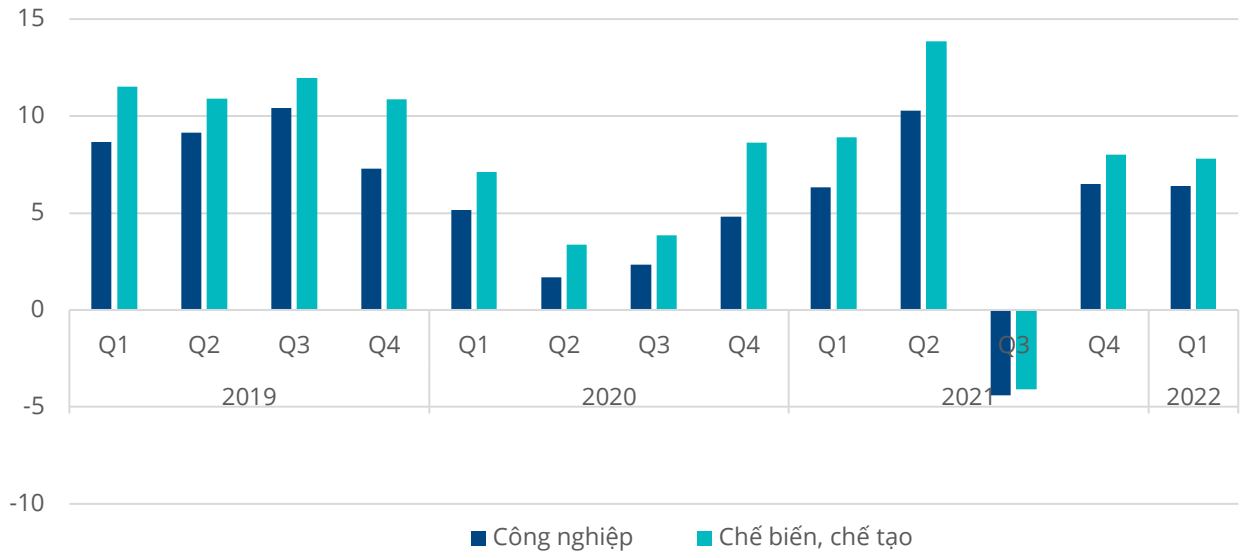

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đáng chú ý, khu vực dịch vụ đã có cải thiện đáng kể cùng với việc thực thi một số chính sách mới. Việc nới lỏng dần các biện pháp kiểm soát dịch bệnh theo tinh thần Nghị định 128/NĐ-CP đã giúp nhiều hoạt động dịch vụ bắt đầu tăng nhanh trở lại. Bên cạnh đó, mặc dù một số chính sách mở cửa đối với một số ngành dịch vụ như du lịch, hàng không, vận tải,... có phần chậm chễ so với xu hướng chung của thế giới nhưng cũng đã phát huy hiệu quả. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn đạt mức tăng trưởng cao, như: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,75% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,54 điểm % vào tốc độ tăng trưởng 5,03% toàn nền kinh tế; vận tải, kho bãi tăng 7,06%, đóng góp 0,43 điểm %; bán buôn và bán lẻ tăng 2,98%, đóng góp 0,31 điểm %; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 1,79%, làm giảm 0,04 điểm phần trăm. Xuất khẩu dịch vụ du lịch tăng 75% so với cùng kì năm trước. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt gần 91 nghìn lượt người, tăng 89,1% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 2.6. Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

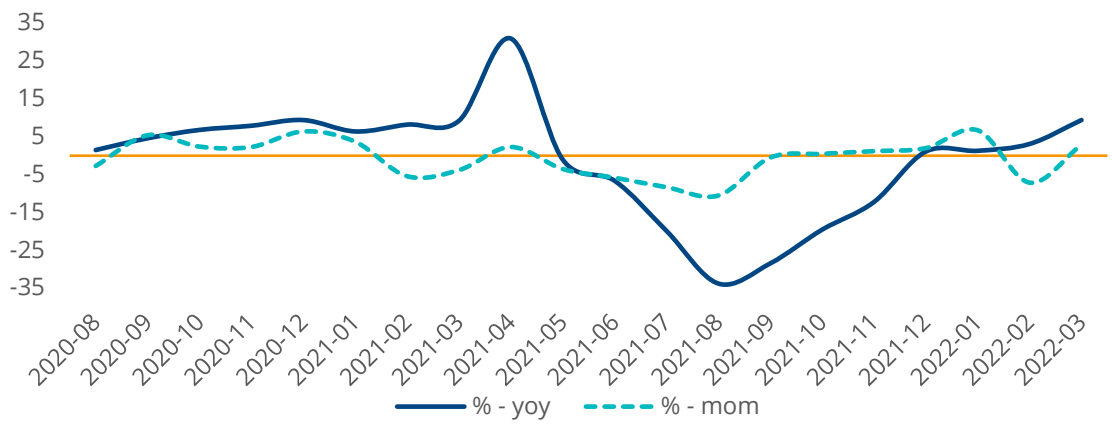

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Xuất nhập khẩu phục hồi mạnh. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 176,35 tỷ USD trong Quý I/2022, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 88,58 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kì năm trước; nhập khẩu 87,77 tỷ USD, tăng 15,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 0,81 tỷ USD. Các mặt hàng đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu quý I là điện thoại và linh kiện (-0,9%); điện tử, máy tính và linh kiện (13,06%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (10%), dệt may (8,9%) giày dép (5,3%)... Đối với nhập khẩu, các mặt hàng đóng góp lớn vào kim ngạch nhập khẩu là điện tử, máy tính và linh kiện (31,1%); máy móc thiết bị, điện thoại và linh kiện (15,2%)... Về thị trường, Mỹ, Trung Quốc, EU vẫn là hai thị trường xuất nhập khẩu lớn có tốc độ tăng trưởng mạnh của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ trong Quý I/2022 đạt 25,2 tỷ USD. Xuất siêu sang EU ước đạt 7 tỷ USD là tín hiệu tích cực cho thấy Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) tiếp tục được tận dụng hiệu quả.

Biểu đồ 2.7. Xuất nhập khẩu hàng hóa Quý I các năm

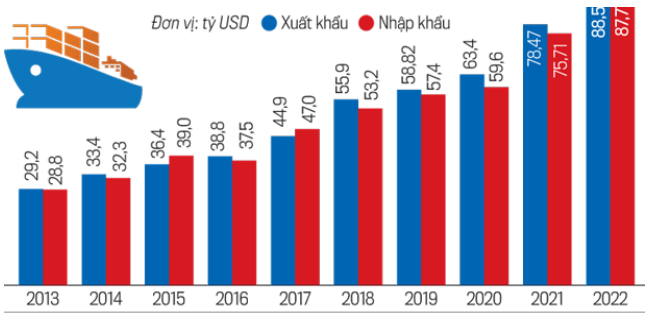

Nguồn: Tổng cục Hải Quan và Tổng cục Thống Kê Việt Nam[5]

[5] *Trích lại biểu đồ từ https://vneconomy.vn/an-tuong-xuat-khau-quy-dau-nam-2022.htm*

FDI vào Việt Nam vẫn là điểm sáng trong khu vực bất chấp những rủi ro đang hiện hữu trên toàn cầu. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 4,42 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức vốn thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Đăng ký cấp mới mặc dù giảm về số vốn (do đầu năm 2021 có một số dự án quy mô lớn đăng ký vào VN) nhưng số lượng dự án tăng tới 37,6%. Với những cam kết mới và mở rộng đầu tư cho thấy niềm tin của giới đầu tư nước ngoài vào khả năng kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ, cũng như môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Đầu tư công thực hiện vai trò kích thích kinh tế, bắt đầu gia tăng trong bối cảnh Chính phủ và các cơ quan quản lý nỗ lực thúc đẩy giải ngân đầu tư công. Quý I/2022, vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước ước đạt 136,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, đầu tư từ khu vực tư nhân cũng có tín hiệu phục hồi tích cực, quý I/2022, vốn đầu tư từ khu vực tư nhân đã tăng 9,1% so với cùng kì năm trước.

Biểu đồ 2.8. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư công các quý năm 2019-2020

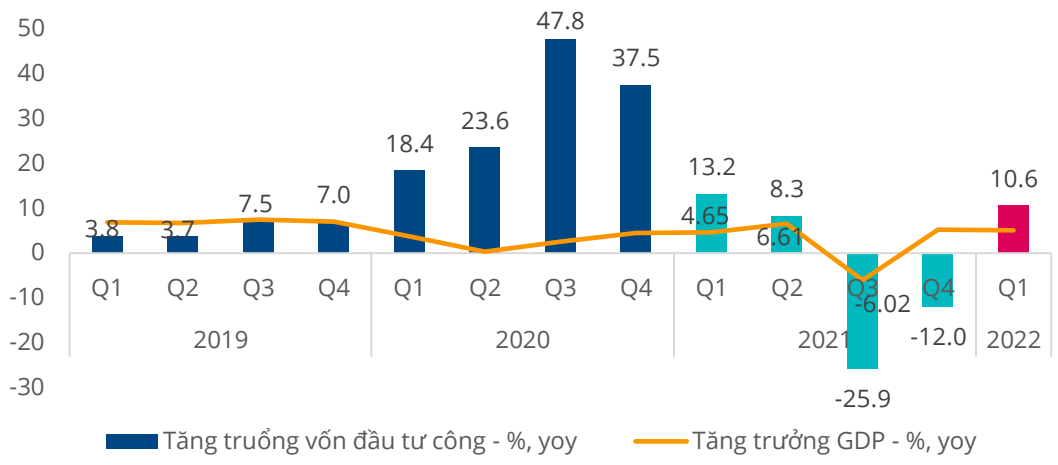

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Việc ban hành và triển khai kịp thời Nghị quyết số 128/NQ-CP, cộng hưởng các điều kiện thuận lợi từ kinh tế thế giới, cam kết mạnh mẽ và nỗ lực của Chính phủ để thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023 đã góp phần quan trọng trong khôi phục sản xuất, thúc đẩy thị trường và niềm tin cho các doanh nghiệp, *số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng rất cao*. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất, kinh doanh trong quý I/2022 với 81,7% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý IV/2021. Bảng 2.1cho thấy, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong Quý I/2022 đã tăng mạnh, đặc biệt là trong khu vực dịch vụ - vốn trước đó chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19.

Bảng 2.1. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong Quý I/2022

	Quý I/2021	Quý I/2022	Chỉ số biến động
TỔNG SỐ	**14738**	**25588**	**173.6**
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	**196**	**361**	**184.2**
Công nghiệp và Xây dựng	**4430**	**6771**	**152.8**
Khai khoáng	130	203	156.2
Công nghiệp chế biến, chế tạo	1866	3010	161.3
Sản xuất phân phối, điện, nước, gas	127	184	144.9
Xây dựng	2307	3374	146.3
Dịch vụ	**10112**	**18456**	**182.5**
Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy	5222	9953	190.6
Vận tải kho bãi	746	1256	168.4
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	723	1485	205.4
Thông tin và truyền thông	342	488	142.7
Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	130	193	148.5
Kinh doanh bất động sản	440	845	192.0
KHCN dịch vụ tư vấn, thiết kế; ...	1013	1677	165.5
Giáo dục và đào tạo	283	556	196.5
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	58	101	174.1
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	130	222	170.8
Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác	803	1405	175.0
Hoạt động dịch vụ khác	222	275	123.9

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thị trường lao động trong xu hướng phục hồi. Chính sách thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 giúp cho thị trường lao động quý I/2022 có nhiều tín hiệu khởi sắc. Lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động đều giảm so với quý trước, tuy vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng mức độ

giảm dần. Trong đó, lao động 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I/2022 ước tăng 0,26% so với cùng kì năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước là 2,24%, tương đương mức trước đại dịch.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực, trong quý I/2022 vẫn tồn tại một số vấn đề cần quan tâm:

• *Vấn đề quan ngại nhất đương nhiên vẫn là nguy cơ bùng phát trở lại của Covid-19 với các biến chủng mới*, ngay trong những tháng đầu năm, do sự phát triển các ca nhiễm (chủ yếu là do biến chủng Omicron) đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc dùy trì sản xuất và kinh doanh bình thường của nhiều địa phương/doanh nghiệp, cục bộ xuất hiện hiện tượng thiếu lao động.

• *Áp lực gia tăng lạm phát đang tăng lên*. Áp lực chi phí đẩy đang dần hiện thực hóa, khiến giá cả tăng ở hầu hết các quốc gia trong khu vực ASEAN đặc biệt những nước có sản xuất xuất khẩu lớn như Indonesia, Thái Lan và Việt Nam. *Nhìn vào một số chỉ số quan trọng như Chỉ số giá sản xuất (PPI), chỉ số giá nguyên liệu cho sản xuất có thể thấy xu hướng tăng giá sản xuất đối với khu vực công nghiệp là khá rõ (Biểu đồ 2.8)*. Giá nguyên vật liệu đầu vào từ bên ngoài gia tăng đang dần được phản ánh trong sản xuất sản phẩm công nghiệp CBCT. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp CBCT tăng từ -0,3% trong quý IV/2020 lên 4,0% trong quý IV/2021, với độ trễ một quý so với xu hướng giá nguyên vật liệu đầu vào. Giá đầu vào tăng lên một phần do tăng giá nhiên liệu và các loại hàng hóa khác trên thị trường thế giới và sự phụ thuộc nhiều vào nghiên vật liệu thô và sản phẩm trung gian nhập khẩu của các ngành sản xuất của Việt Nam. Nhiên liệu nhập khẩu Quý IV/2021 đắt hơn gần 55% so với trước đó một năm, sẽ cần có thời gian để giá sản xuất phản ánh đầy đủ tác động của tăng giá đầu vào.

Biểu đồ 2.9. Chỉ số giá sản xuất ngành Công nghiệp, CBCT và NLTS

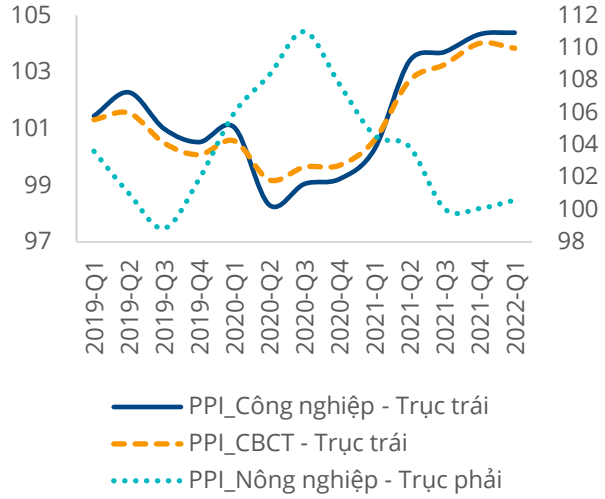

Nguồn: Tổng cục Thống kê và kho dữ liệu quốc gia (liên Bộ)

Biểu đồ 2.10. Chỉ số nguyên vật liệu cho sản xuất công nghiệp và NTLS

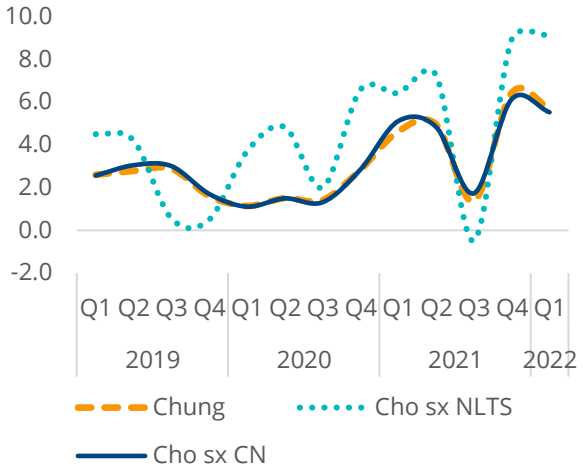

Nguồn: Tổng cục Thống kê và kho dữ liệu quốc gia (liên Bộ)

Khác với năm 2021, các áp lực gia tăng lạm phát trong thời gian tới sẽ từ cả bên trong và bên ngoài. Bên ngoài, (1) nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tiếp tục tăng cao trong khi nguồn cung bị hạn chế có thể khiến giá cả nguyên nhiên liệu trên thị trường quốc tế có tăng mạnh, đặc biệt là giá xăng dầu, than và giá cước vận chuyển. (2) Xung đột Nga – Ukraine có thể làm trầm trọng thêm những nguy cơ về nguồn cung, nguy cơ đứt gãy các chuỗi cung ứng, vận tải và logistic trong cả năm 2022 -2023 và làm gia tăng áp lực lạm phát. Xung đột giữa Nga và Ukraine cùng với các biện pháp trừng phạt kinh tế của Mỹ và các nước đối với Nga, nước xuất khẩu khí đốt tự nhiên lớn nhất và xuất khẩu dầu mỏ lớn thứ hai trên thế giới có thể đẩy giá năng lượng toàn cầu lên cao, đặc biệt là giá xăng dầu tạo áp lực lớn đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp và tiêu dùng của người dân. Áp lực lạm phát tăng cao tại nhiều nước, gồm cả những nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và các nước châu Âu[6]. Việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao, tạo áp lực cho lạm phát.

Trong nước, áp lực tăng giá tạo ra bởi: (1) cầu phục hồi; (2) các gói hỗ trợ kinh tế quy mô lớn được thực hiện. Tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng, kinh tế Việt Nam có khả năng phục hồi mạnh hơn trong các quý tiếp theo, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao, đồng thời một số chính sách trực tiếp đưa tiền vào nền kinh tế (như hỗ trợ trực tiếp cho người lao động...) và việc thực hiện gói đầu tư cơ sở hạ tầng (trên 176 nghìn tỷ đồng) khiến nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu sắt thép xây dựng, vật liệu xây dựng tăng cao sẽ góp phần gia tăng lạm phát.

Đối với các nhóm hàng hóa chủ chốt trong giỏ hàng hóa tỉnh CPI, mặc dù là quốc gia có nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào nhưng sẽ không tránh khỏi những ảnh hưởng từ giá thế giới khi nguồn cung phân bón và ngũ cốc dùng làm thức ăn chăn nuôi sụt giảm mạnh. Năm 2021, chỉ số giá nhập khẩu phân bón đã tăng 10,02%; chỉ số giá nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 18,34% và có xu hướng tiếp tục tăng sẽ tác động vào giá thực phẩm. Bên cạnh đó, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở được tính trong CPI cũng sẽ tăng theo giá nguyên liệu dùng trong xây dựng. Giá dịch vụ giáo dục tăng trở lại do một số địa phương kết thúc thời gian được miễn, giảm học phí năm học 2021-2022 và ảnh hưởng của việc thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ giáo dục trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Ngoài ra, khi dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí tăng trở lại cũng tác động không nhỏ tới CPI chung.

---

[6] *Chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ tháng 02/2022 tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất kể từ tháng 01/1982, Nhật Bản tháng thứ 6 liên tiếp có chỉ số giá tiêu dùng tăng, lạm phát tại Anh cũng lên mức cao nhất trong 30 năm qua.*

Xuất khẩu, nhất là xuất khẩu nông sản bị ảnh hưởng bởi các yếu tố cạnh tranh quốc tế, cũng như sự không chắc chắn từ thị trường truyền thống (Trung quốc) đã xuất hiện từ cuối năm ngoái, nhưng vẫn chưa có cơ chế giải quyết triệt để, chủ yếu vẫn là tình thế, gây sự bất ổn trong tất cả các khâu, đây sẽ là một vấn đề lớn cần phải tìm cơ chế giải quyết trong năm nay.

Quý I/2022 tiếp tục chứng kiến sự gia tăng về giá của các loại tài sản (vàng, bất động sản...) dấy lên lo ngại dòng tiền trong nền kinh tế vẫn chưa thực sự đi vào sản xuất. Trước những khó khăn, bất ổn đến từ dịch bệnh, các yếu tố không thuận về chuỗi cung ứng trên thế giới và sự thiếu hiệu quả trong hoạt động kinh doanh trong nước (các chi phí sản xuất kinh doanh và rủi ro cũng tăng cao do những đợt giãn cách và biện pháp phòng chống Covid nghiêm ngặt trong năm ngoái) thì tâm lý phòng thủ vào các tài sản có giá là đương nhiên, Việt Nam không ngoại lệ so với thế giới (và thực tế thì lượng tiền gửi của doanh nghiệp trong ngân hàng cũng tăng cao trong năm 2021).

2.2. Triển vọng Kinh tế Việt Nam năm 2022

Bảng 2.1. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2022

Tổ chức	Tăng trưởng	Lạm phát
WB[7]	4%-5.3%	Dưới 4%
IMF[8]	6.6%	2.3%
ADB[9]	6.5%	3.5%
Pcw	6%- 6.5%	-
Fitch Ratings	6.1%	-

Nguồn: Tổng hợp

Lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2022

Chính sách mở cửa nền kinh tế, đặc biệt là sự mở cửa hoàn toàn từ 15/3/2021 là điều kiện cơ sở cho quá trình phục hồi. Tỷ lệ tiêm chủng cao cho phép chính phủ dỡ bỏ các biện pháp kiềm chế đại dịch nghiêm ngặt, gây gián đoạn. Với tuyên bố mở cửa trở lại hoạt động du lịch trên tất cả các

---

[7] *Trong năm 2022, với kịch bản dịch bệnh được kiểm soát tương đối tốt, dự kiến GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 5,3%. Theo kịch bản xấu, nếu tình hình toàn cầu trở nên xấu hơn và phản ứng chính sách trong nước yếu ớt thì tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể giảm xuống còn 4%. Lạm phát dự kiến duy trì dưới chỉ tiêu 4%.*

[8] *Kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,6%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng 2,6% của năm 2021. Tỷ lệ lạm phát trung bình và giá tiêu dùng sẽ là 2,3%. Tỷ lệ thất nghiệp dự kiến giảm từ 3,3% xuống 2,4% vào năm 2022.*

[9] *Về mức độ tăng trưởng GDP, Việt Nam được dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng 6,5%/năm vào năm 2022. Về mức độ lạm phát, năm 2022 được dự báo là năm có mức độ lạm phát cao nhất trong 4 năm vừa qua, với 3,5%/năm.*

cửa khẩu, Việt Nam đã nới lỏng hoàn toàn các hoạt động giãn cách đã được thực hiện suốt 2 năm qua. Việc dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát dịch nghiêm ngặt sẽ thúc đẩy lĩnh vực dịch vụ, với dự báo tăng 5,5%, đóng góp 2,3 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP trong năm 2022.

Sự phục hồi của thị trường lao động là điều kiện quan trọng cho phục hồi sản xuất, đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế, công nghiệp lớn nhất cả nước – nơi vốn bị tổn hại nặng nề và thiếu hụt lao động nghiêm trọng sau làn sóng dịch thứ 4 trong 2021. Thị trường lao động phục hồi và các biện pháp kích cầu khác sẽ thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp ở mức 9,5% vào năm 2022 theo dự báo, đóng góp 3,6 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP.

Cộng hưởng với tác động của Chương trình phục hồi kinh tế. Các gói kích cầu nhằm hỗ trợ phục hồi tăng trưởng sẽ tạo ra tác động tích cực, như một "cú huých" tới tăng trưởng kinh tế. Giả định với mức chi đầu tư phát triển trong hai năm 2022-2023 mỗi năm tăng thêm 1% GDP (quy mô GDP năm 2021) thì có thể giúp gia tăng 0,48 điểm% GDP so với kịch bản cơ sở ngay trong năm 2022 và có thể tăng lên 0,95 điểm% GDP trong năm 2023. Kích cầu đầu tư sẽ có tác động kéo dài hơn so với kích cầu chi tiêu trên ngành xây dựng, tiêu dùng, nhập khẩu và ngành dịch vụ....

Khu vực ngoại thương (xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài) vẫn được kì vọng tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2022. Theo đánh giá của Fitch Ratings, Việt Nam tiếp tục hưởng lợi từ lĩnh vực xuất khẩu nhờ vào việc thực hiện các hiệp định thương mại quan trọng, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn duy trì tăng trưởng cao và dòng chảy du lịch đang dần nối lại từ năm 2022. Việc triển khai thực thi các hiệp định thương mại tư do thế hệ mới có thể tiếp tục tạo đà "bùng nổ" cho xuất khẩu, đặc biệt là cơ hội cho các ngành hàng nông sản xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam (qua đó cũng tránh những bất trăc từ thị trường truyền thống). Ngoài các Hiệp định CPTPP và EVFTA, Hiệp định RCEP có hiệu lực từ 1/1/2022 cũng sẽ mang lại tác động tích cực đối với Việt Nam. Với giả định cắt giảm thuế quan và biện pháp phi thương mại, GDP dự kiến của Việt Nam có thể tăng thêm 0,38 % đến năm 2030 (so với kịch bản cơ sở). Việt Nam nằm trong số quốc gia được hưởng lợi nhất về xuất khẩu trong số các quốc gia tham gia RCEP với mức tăng 3,75%. RCEP có thể tạo thêm động lực để Việt Nam kết nối với các trung tâm khu vực, và quan trọng hơn, Việt Nam gắn mình với đà phục hồi của khu vực, tránh rủi ro lạm nhịp với khu vực và thế giới.

Xu hướng phục hồi của cầu trong nước. Tổng cầu trong nước vẫn chưa thể cao ngay được do sức mua chưa phục hồi, nhưng sẽ được cải thiện cùng với sự phục hồi từ nhóm du lịch trong nước sau khi bình thường hóa hoàn toàn hoạt động du lịch, vui chơi, ăn uống (tiếc là với những bất ổn toàn cầu thì chưa chắc du lịch quốc tế đã có những cú hích như kỳ vọng trong năm nay). Do vậy một số ngành dịch vụ có thể phục hồi theo như hàng không, giao thông....

Rủi ro, trở ngại chính đối với quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế

Triển vọng phục hồi của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro từ đại dịch với nguy cơ biến chủng mới. Mặc dù, diễn biến gần đây cho thấy sự cải thiện trong kiểm soát dịch bệnh toàn cầu. Số ca mắc mới trung bình 7 ngày tính đến ngày 19/4 giảm 22% so với tuần trước đó; số ca tử vong cũng giảm 21%. Xét về khu vực, số ca mắc mới đều giảm, trong đó Châu Á tiếp tục là khu vực ghi nhận tỷ lệ giảm mạnh nhất với 28%. Song, rủi ro và các nguy cơ bùng phát dịch bởi các biến chủng mới vẫn tiềm ẩn phía trước. Đặc biệt, chiến dịch "Zero Covid" có thể gây căng thẳng cho nền kinh tế Trung Quốc với các biện pháp truy vết gắt gao, xét nghiệm diện rộng và phong tỏa cục bộ. Tăng trưởng chậm lại ở Trung Quốc có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu và quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam.

Áp lực lạm phát và chi phí sản xuất tăng cao. Hiện nay, giá hàng hóa trên thế giới đang tăng mạnh. Việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao.

Rủi ro từ xung đột Nga – Ukraine. Mặc dù các tác động trực tiếp không quá lớn do quan hệ thương mại và đầu tư song phương giữa hai quốc gia này với Việt Nam khá nhỏ, nhưng các tác động gián tiếp sẽ mạnh hơn nhiều. Thứ nhất, Nga là thị trường dầu mỏ, thép, lương thực (ngũ cốc) rất lớn. Xung đột tác động mạnh nhất đến giá xăng dầu, khí đốt thế giới. Giá xăng dầu trong nước Quý I/2022 tăng rất cao (trên 48,8% so với cùng kì năm trước), Quý I/2022, chúng ta vẫn giữ được lạm phát là do giá lương thực, thực phẩm của Việt Nam vẫn ở mức thấp, giá một số mặt hàng giảm. Tuy nhiên, giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, giá phân bón đang rất cao và có xu hướng tiếp tục tăng. Đây sẽ là yếu tố làm tăng chi phí đẩy cho lạm phát kì sau. Thứ hai, xung đột Nga-Ukraine đã khiến các nước tăng mua tài sản đảm bảo và NHTW các nước đứng trước lựa chọn tăng lãi suất để chống lạm phát đang lên rất cao ở Mỹ và Tây Âu, cùng với các lệnh trừng phạt từ phương Tây đối với Nga sẽ gây khó khăn hơn cho các hoạt động sản xuất và đầu tư quốc tế.

Sự chậm lại của kinh tế toàn cầu và các nền kinh tế kinh tế đối tác quan trọng của Việt Nam, đặc biệt là Trung Quốc trong bối cảnh nước này vẫn tiếp tục chính sách “zero Covid” với các biện pháp kiểm soát dịch nghiêm ngặt. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu đối với một số mặt hàng như dệt may, da giày, các sản phẩm nông sản…và cũng là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam đối với các sản phẩm nguyên liệu, đầu vào sản xuất. Trong quý I/2022, các ngành hàng này có sự chuẩn bị tồn kho nguyên liệu lớn nên hầu như chưa thấy các tác động. Về dài hạn đây cũng là một rủi ro đối với Việt Nam khi Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách zero Covid-19.

Sự lệch pha trong chính sách kích thích kinh tế của Việt Nam so với xu hướng chung toàn cầu có thể làm giảm hiệu quả tác động của các chính sách kích thích kinh tế mà Việt Nam đang kì vọng. Trước áp lực lạm phát, điều kiện tài chính toàn cầu, đặc biệt là tại Mỹ có xu hướng thắt chặt hơn

trong năm 2022 gây láp lên lãi suất, tỷ giá. Điều này có thể làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là chính sách hỗ trợ lãi suất trong bối cảnh Việt Nam nỗ lực thực hiện các biện pháp nới lỏng tiền tệ và tài khóa (quy mô lớn nhất từ đầu dịch tới nay).

Rủi ro liên quan đến sự kém hiệu quả trong thực thi các chính sách kích thích kinh tế. Sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng các chính sách hoặc hoạt động điều hành kinh tế có thể gây nản lòng doanh nghiệp và mất niềm tin của các nhà đầu tư (nhất là các nhà đầu tư nhà nước). Như trong một số báo cáo và kiến nghị thì thời gian gần đây có hiện tượng quay trở lại các chính sách quản lý gây phiền hà, tăng chi phí tuân thủ không tạo thuận lợi kinh doanh từ phía các cơ quan quản lý nhà nước. Do vậy, những trở ngại đến chính từ các yếu kém thể chế cố hữu vẫn là vấn đề đáng quan tâm trong giai đoạn hiện nay, chưa kể những yếu tố trục lợi chính sách có thể khiến các chính sách tốt không đi vào cuộc sống hoặc thậm chí bị méo mó khi áp dụng. Và khi mà hoạt động sản xuất kinh doanh bị gây trở ngại, thiếu chắc chắn và niềm tin, chịu nhiều rủi ro từ các yếu tố bên ngoài lẫn hệ thống cơ chế quản lý, thì các hành vi kinh doanh ngắn hạn, đầu cơ bong bóng tài sản sẽ thế chỗ và từ đó lại gây áp lực và các bất ổn vĩ mô.

Hiện nay, vẫn có những lúng túng nhất định trong việc triển khai các gói kích thích phục hồi kinh tế. Trước tiên, cần làm rõ và công khai hóa cơ chế thực thi và triển khai các gói hỗ trợ, nhiều gói hỗ trợ được thực thi bắt đầu từ 01/02/2022 nhưng vẫn có sự chưa thống nhất lúc triển khai ban đầu giữa các bộ, ngành, địa phương khiến khó khăn trên vận dụng thực tế. Các gói đầu tư công, xây dựng CSHT sẽ có ý nghĩa rất lớn nhưng nếu chậm trễ triển khai khâu giải ngân sẽ khiến chi phí tăng (do chi phí đầu vào tăng theo lạm phát) và từ đó tác động lan tỏa sang những ngành/lĩnh vực khác cũng sẽ không đạt kỳ vọng.

3. CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI KINH TẾ

Khởi động chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023

Tháng 1/2022, Chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023 quy mô lớn, độ bao phủ rộng đã được ban hành nhằm kích thích tăng trưởng, phục hồi nền kinh tế trong điều kiện thích ứng an toàn với Dịch Covid-19. Ngày 30/1/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30-1-2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình. Chương trình thực hiện 5 nhiệm vụ cũng là giải quyết 5 điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là: (1) mở cửa nền kinh tế gắn với nâng cao năng lực y tế, phòng, chống dịch bệnh; (2) bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm, khôi phục thị trường lao động; (3) hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (4) tăng cường nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; (5) cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Đây sẽ là điều kiện để kích thích đà phục hồi của nền kinh tế. Theo chúng tôi, điểm sáng chính sách là ngoài việc công bố công khai, rộng rãi gói kích thích phục hồi tăng trưởng 350.000 tỷ đồng, thì các Nghị quyết 01/NQ-CP và Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ cũng đã tạo niềm tin

vào quá trình củng cố các cải cách thể chế mạnh mẽ về môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy giải phóng các nguồn lực tư nhân và đầu tư nước ngoài cho quá trình phục hồi nền kinh tế.

Hình 3.1. Cơ cấu, thành phần của gói hỗ trợ, kích thích kinh tế gần 350 ngàn tỷ đồng

Nguồn: Báo Đồng Nai

Chương trình hỗ trợ khôi phục nền kinh tế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 đang được Chính phủ triển khai có tổng quy mô lên tới gần 350.000 tỷ đồng, trong đó, quy mô của giải pháp tài khóa lên tới 291.000 tỷ đồng, chiếm 83% tổng giá trị của chương trình. Các giải pháp hỗ trợ phục hồi DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh với một loạt chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tháo gỡ điểm nghẽn về cơ sở hạ tầng... sẽ có tác động trực tiếp và nhanh nhất tới cộng đồng doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh. Trong khi đó, các chính sách tiền tệ thông qua điều hành về lãi suất, tỷ giá, tốc độ tăng trưởng tín dụng sẽ có những tác động lớn tới quá trình phục hồi và tăng trưởng trong những năm tới.

Bảng 3.1. Quy mô Chương trình phục hồi kinh tế 2022-2023

Chính sách	Quy mô lan tỏa		Ước thực chi	
	Nghìn Tỷ đồng	%GDP 2021	Nghỉn Tỷ đồng	%GDP 2021
Chính sách tài khóa	**408.25**	**4.87**	**237.65**	**2.83**
Miễn, giảm thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí	105.4	1.29	63.8	0.76
Gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất	135	1.6	6	0.07
Tăng chi đầu tư phát triển	127.85	1.5	127.85	1.52
Hỗ trợ 2% lãi suất cho DN, HTX, hộ KD	40	0.48	40	0.48

Chính sách tiền tệ	**46**	**0.55**	**46**	**0.55**
Chỉ đạo các TCTD tiếp tục giảm chi phí quản lý để phấn đấu giảm lãi suất cho vay tối thiểu 0,5-1% trong 2 năm				
Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn giảm lãi	Chưa lượng hóa cụ thể			
Tạo điều kiện để các TCTD đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất từ Chương trình				
Chính sách an sinh xã hội	**53.15**	**0.65**	**53.15**	**18.47**
Cho vay ưu đãi thực hiện chính sách hỗ trợ việc làm	10	0.12	10	0.12
Cho cá nhân vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân	15	0.18	15	0.18
Cho vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên	3	0.04	3	0.04
Bổ sung vay tín dụng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển KTXH vùng Đông bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030	9	0.11	9	0.11
Cho vay ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập	1.4	0.02	1.4	0.02
Hỗ trợ lãi suất cho vay các khoản vay trên 6%năm của NH CSXH	3	0.04	3	0.04
Cấp bù lãi suất và phí quản lý cho vay các cơ sở bảo trợ XH, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm	2	0.02	2	0.02
Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm	3.15	0.04	3.15	0.04
Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động	6.6	0.08	6.6	0.08
Chính sách khác	**10**	**0.2**	**10**	**0.2**
Phát triển hạ tầng viễn thông, internet	5	0.1	5	0.1
Sử dụng quỹ phát triển KHCN của DN để đổi mới công nghệ	5	0.1	5	0.1
TỔNG	517.40	6.27	346,8	4.05

Nguồn: Nghị Quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP (30/1/2022) và tổng hợp

Có thể thấy, chính sách tài khóa được thiết kế giữ vai trò chủ đạo trong chương trình phục hồi kinh tế, kết hợp hài hòa với chính sách tiền tệ, để tạo ra các nguồn lực tốt nhất hỗ trợ nền kinh tế vượt qua giai đoạn khó khăn, sớm hồi phục và phát triển. Phân tích dư địa chính sách của Việt Nam, dư địa mở rộng chính sách tài khóa có phần thuận lợi hơn chính sách tiền tệ. Thêm vào đó, quy mô hỗ trợ tài khoá vẫn vẫn trong ngưỡng an toàn (khoảng 3-4% GDP). Các cân đối lớn và cơ cấu lại nợ công thời gian qua tạo không gian chính sách để có thể duy trì mở rộng giai đoạn 2022-2023 (chính sách "tài khóa nghịch chu kỳ").

Đầu tư công được xem là trụ đỡ trong phục hồi và giai đoạn tiếp theo, do đó, gói đầu tư công là gói tài khóa khá quan trọng trong Chương trình phục hồi kinh tế, được kì vọng rất lớn có thể mang lại hiệu ứng tốt, kích thích tăng trưởng kinh tế một cách trực tiếp và gián tiếp. Tại hầu hết các quốc gia, gói hỗ trợ của họ cũng tập trung vào tăng đầu tư công nhằm hỗ trợ tổng cầu, tăng năng suất, tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp. Đến hết tháng 3, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện danh mục các dự án đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi kinh tế, tuy nhiên, việc giải ngân vốn từ đầu tư công từ Chương trình vẫn chưa được triển khai do một số vấn đề về thủ tục phê duyệt dự án và bố trí nguồn lực.

Chính sách giảm thuế VAT (từ 10% xuống 8%) đã được bắt đầu thực hiện từ 1/2/2022. Dự kiến chính sách giảm thuế VAT sẽ trực tiếp làm giảm thu NSNN khoảng 49,4 nghìn tỉ đồng. Tuy nhiên, hiệu quả kích cầu thì rất đáng kể. Chúng tôi đồng tình quan điểm đánh giá chính sách giảm thuế VAT là chính sách vô cùng phù hợp lúc này, với ba tác động tích cực của chính sách là: (1) giúp giảm áp lực lạm phát thông qua giữ ổn định mặt bằng giá; (2) Kích thích cầu tiêu dùng; (3) Kích thích doanh nghiệp gia tăng sản xuất kinh doanh. Giảm thuế VAT có ý nghĩa tích cực, một mặt có thể hướng đến đông đảo người dân, người tiêu dùng, giúp kích cầu nền kinh tế, trực tiếp hỗ trợ cho doanh nghiệp. Nhưng điều quan trọng hơn là chính sách này đã tạo ra tâm lý phấn khởi của người dân, của doanh nghiệp, phù hợp với đạo lý kinh doanh.

Chính sách giảm thuế bảo vệ mội trường 2000 VNĐ/1lit xăng được đánh giá là một biện pháp phù hợp giúp giảm áp lực tăng giá đối với xăng dầu trong nước do tác động của việc tăng mạnh giá xăng dầu trên thị trường thế giới, qua đó giảm áp lực lên lạm phát. Chính sách bắt đầu thực hiện từ 01/4/2021.

Với chính sách hỗ trợ lãi suất 2%: Hiện Ngân hàng Nhà nước đang xây dựng khung pháp lý và dự thảo kế hoạch triển khai cụ thể. Gói hỗ trợ lãi suất 40.000 tỷ đồng trong 2 năm, dự kiến mỗi năm khoảng 20.000 tỷ đồng. Trong trường hợp giải ngân hết sẽ có khoảng 400.000 tỷ đồng tín dụng được đưa vào nền kinh tế, tương đương 4,8% GDP và trên 35% mục tiêu tín dụng năm 2022. Cộng đồng doanh nghiệp cũng đánh giá cao chính sách hỗ trợ 2% lãi suất cho vay đối với các khoản vay thương mại của các ngân hàng. Nhiều doanh nghiệp trong các ngành nghề trọng tâm, ưu tiên kỳ vọng triển khai gói hỗ trợ này sẽ giúp tháo gỡ "rào cản" về vốn và chi phí.

Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người người lao động (như hỗ trợ tiền thuê nhà,...): đã bắt đầu triển khai thực hiện. Chính sách có ý nghĩa lớn, vừa thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, vừa hỗ trợ khôi phục thị trường lao động đã bị ảnh hưởng rất nặng nề bởi dịch Covid_19 năm 2021. Tuy nhiên, quá trình triển khai đã phát sinh nhiều vấn đề về thủ tục nhận hỗ trợ. Nếu không được hỗ trợ bằng công nghệ thông tin thì việc triển khai có thể gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, đối tượng lao động phi chính thức, vốn là đối tượng dễ bị tổn thương, cũng sẽ khó có thể tiếp cận gói hỗ trợ do một số quy định về điều kiện hỗ trợ.

Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phục hồi tăng trưởng kinh tế bền vững: Ngoài ra, điểm đặc biệt được kỳ vọng trong chương trình phục hồi là cấu phần cải cách thể chế và cải cách thủ tục hành chính. Trong hơn 3 thập kỷ cải cách vừa qua cũng như trong các giai đoạn hậu khủng hoảng trước đây, chính những đổi mới về thể chế, cải cách về môi trường kinh doanh lại là những yếu tố tạo ra sự khác biệt thực sự trong nỗ lực phục hồi và phát triển bền vững".

Và cuối cùng, để đảm bảo cho các hoạt động kinh tế được khôi phục trở, *các gói hỗ trợ chống dịch có vai trò then chốt*, bởi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội lần này xuất phát từ yếu tố y tế (dịch bệnh COVID-19) mà không phải xuất phát từ các vấn đề kinh tế - tài chính, do đó để xử lý triệt để thì các giải pháp chuyên môn về y tế vẫn mang tính chất quyết định. Trên cơ sở kiểm soát tốt dịch bệnh, thích ứng an toán, thỉ các chính sách kinh tế vĩ mô mới có thể phát huy giá trị hỗ trợ, kích thích tăng trưởng.

Như vậy có thể thấy rằng, trong ngắn hạn, mục tiêu của gói hỗ trợ tài khóa là kiềm chế đại dịch, giảm thiểu tác động về y tế và kinh tế nên sẽ cần dành ưu tiên cho chi tiêu y tế, đảm bảo an sinh xã hội đối với người dân và người lao động, hỗ trợ khu vực doanh nghiệp trong những ngành có khả năng phục hồi. Còn về dài hạn, với mục tiêu hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, các biện pháp tài khóa trong giai đoạn này cần chuyển dần từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp, từ hỗ trợ về tài chính sang hỗ trợ về cơ chế, từ hỗ trợ số nhiều sang số ít các đối tượng còn chịu ảnh hưởng lâu dài của đại dịch, hướng tới thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh, bền vững.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

4. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Việt Nam cần đặc biệt chú ý về nguy cơ nhập khẩu lạm phát từ bên ngoài. Lạm phát thấp hiện nay ở trong nước một phần vì cầu tiêu dùng thấp. Lạm phát do chi phí đẩy cần sớm được đánh giá chính thức của Chính phủ và nhất là khả năng lạm phát trong các quý đầu năm 2022 do ảnh hưởng của chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nhập khẩu tới lạm phát để có biện pháp kiểm soát giúp hạn chế tác động tiêu cực tới người tiêu dùng trong nước. Đặc biệt, cần nghiên cứu để giảm thuế môi trường, thuế tiêu thụ, đặc biệt trong giá xăng dầu ở thời điểm hiện nay, nhằm bình ổn giá các mặt hàng tiêu dùng khác.

Nhìn chung, áp lực lạm phát thời gian tới chủ yếu đến từ phía cung, lạm phát chi phí đẩy, do 2 yếu tố: (1) thiếu hụt nguồn cung trong khi nhu cầu tăng mạnh cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và (2) đứt gãy chuỗi cung ứng khiến chi phí đầu vào tăng cao. Do đó, cần kiểm soát tốt nguồn cung, chuỗi cung ứng vật tư, nhiên liệu sản xuất kể cả hàng hóa tiêu dùng giữa các vùng, giữa các địa phương với nhau, không để đứt gãy, đặc biệt, không để đứt gãy chuỗi cung ứng của thế giới với Việt Nam. Đây là một trong những thách thức rất lớn với Việt Nam khi cước vận tải biển tăng đột biến từ năm 2021, giá container tăng cao, thậm chí không có hãng tàu biển để thuê, khiến doanh nghiệp khốn khổ.

Dự kiến, trong thời gian tới, nhập khẩu đầu vào sẽ khó khăn hơn, do giá nhập khẩu và chi phí thương mại vẫn đang tăng. Do vậy, cần hỗ trợ doanh nghiệp trong khơi thông nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu. Tháo gỡ những vướng mắc về logistics, giảm thiểu tình trạng ách tắc ở biên giới do công tác phòng dịch.

Tập trung vào xây dựng các thể chế và chính sáchhúc đẩy đầu tư và liên kết đầu tư giữa các thành phần kinh tế, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Không giống như năm 2020, dòng vốn FDI vào Việt Nam đã

sụt giảm và quy mô dự án cũng nhỏ hơn cho thấy một ngụ ý khá quan trọng đó là trong bối cảnh Covid-19 hiện nay, Việt Nam khó tận dụng được xu hướng dịch chuyển chuỗi. Vấn đề không nằm ở cơ hội bên ngoài, mà là nội lực bên trong. Cải thiện năng lực nội tại, nhất là lao động kỹ năng cần được đặc biệt chú ý trong thời gian gần. Chính phủ vừa ban hành chính sách về thu hút doanh nghiệp FDI lớn với những ưu đãi đặc biệt (Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg, ngày 06/10/2021).

Bên cạnh đó, cần quyết liệt và nhanh hơn các gói kích thích kinh tế đã được thông qua trong Nghị quyết số 11/NQ-CP, bên cạnh gói đầu tư CSHT thì các gói cho vay hỗ trợ lãi xuất, hỗ trợ xây nhà ở xã hội cho người lao động, các biện pháp miễn giảm thuế/phí cho nhóm đối tượng cụ thể, cần được đẩy mạnh hơn nữa.

Tiếp tục có những cải cách đột phá về thể chế nhằm thúc đẩy hoàn thiện hơn nữa Môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh bình đẳng, tiến tới nền kinh tế thị trường đầy đủ và tự do. Cần cải cách thể chế và hoàn thiện chính sách hỗ trợ phục hồi tăng trưởng của thành phần kinh tế tư nhân trong nước, nhất là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và đặc biệt là quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mô hình kinh doanh mới, sáng tạo, dựa trên ứng dụng nền tảng số và không gian số.

Trước nguy cơ dòng tiền trong nền kinh tế có thể chưa đi vào sản xuất mà chảy vào các thị trường tài sản, để dòng vốn thật có thể quay lại vào đầu tư sản xuất - kinh doanh thì thứ nhất, việc nhất quán chính sách bình thường mới, mở cửa và sống chung với Covid – 19 vẫn là điều kiện quan trọng nhất (đi kèm với đó là tiếp tục nghiên cứu bao phủ vắc-xin – mũi 4/5 đề phòng biến chủng mới và cách thức tăng năng lực y tế các cấp, tập trung hỗ trợ các nhóm nguy cơ). Thứ 2, chính là các biện pháp đẩy mạnh tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn và rào cản không đáng có cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (chính vì thế trong số các gói chính sách phục hồi tăng trưởng, các chính sách thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh mặc dù được đề cập sau cùng nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng để kéo lại niềm tin của người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy dòng vốn lành mạnh trở lại với hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó hạn chế các nguy cơ bong bóng tài sản (đặc biệt là bất động sản như thời gian qua). Thứ 3, trong bối cảnh vừa chịu những khó khăn dịch bệnh, vừa chịu áp lực chi phí đầu vào tăng cao, để kích thích việc duy trì sản xuất kinh doanh thì nên áp dụng thực chất các chính sách miễn, giãn, hoãn và cho vay ưu đãi với các nhóm ngành/doanh nghiệp có sản xuất thực ở trong nước, nhất là những ngành tạo giá trị gia tăng cao trong xuất khẩu, hoặc ngành hàng có sản xuất trong nước có thể dần thay thế các mặt hàng nhập khẩu xa xỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Andrle, M., P. Blagrave, P. Espaillat, M. K. Honjo, M. B. Hunt, M. Kortelainen, R. Lalonde, et al. 2015. "The Flexible System of Global Models—FSGM." IMF Working Paper 15/64. International Monetary Fund, Washington, DC

CBR (Central Bank of Russia). 2021. "Monetary Policy Guidelines for 2022-2024." November 5, 2021. http:// cbr.ru/eng/about_br/publ/ondkp/on_2022_2024/.

Kose, M. A., F. Ohnsorge, C. M. Reinhart, and K. S. Rogoff. 2021. "The Aftermath of Debt Surges." NBER Working Paper 29266, National Bureau of Economic Research, Cambridge, MA.

Mahler, D. G., N. Yonzan, C. Lakner, R. A. Castaneda Aguilar, and H. Wu. 2021. "Updated Estimates of the Impact of COVID-19 on Global Poverty: Turning the Corner on the Pandemic in 2021?" Data Blog (blog). June 24, 2021. https://blogs.worldbank.org/opendata/ updated-estimates-impact-covid-19-global-poverty-turn ing-corner-pandemic-2021.

World Bank. 2020a. Global Economic Prospects: Slow Growth, Policy Challenges. January. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2020b. Commodity Markets Outlook: Implications of COVID-19 for Commodities. April. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2020c. Global Economic Prospects. June. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2020d. Commodity Markets Outlook: Persistence of Commodity Shocks. October. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2021a. Commodity Markets Outlook: Urbanization and Commodity Demand. October. Washington, DC: World Bank.

World Bank. 2021b. The Changing Wealth of Nations 2021: Managing Assets for the Future. Washington, DC: World Bank.

https://data.adb.org/search/content/type/dataset/tags/asian-development-outlook-ado-statistical-tables-296

https://baochinhphu.vn/adb-viet-nam-se-tang-truong-65-trong-nam-2022-nho-cac-chuong-trinh-phuc-hoi-102220406140138342.htm